

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/HNGĐ – ST

Ngày: 28- 12 -2023

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Trần Thị Chín và ông Trần Đức Hòa

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:* Bà  
Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát Viên.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng,  
tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:  
108/2023/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về Vệc “Tranh chấp ly  
hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2023/QĐXX - ST ngày 28  
tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị G, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn 7, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: **anh Tô Thế T, sinh năm 1982**

Địa chỉ: Thôn 7, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

*(Nguyên đơn chị G có mặt, bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2023 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị G trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tô Thế T là vợ chồng, tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 90, quyển số 01/2013, ngày 22/8/2013. Trong thời gian chung sống anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xảy ra xô xát, cãi vã lẫn nhau,

tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tô Thế T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 người con chung, họ tên là Tô Yến N, sinh ngày 01/10/2006; Tô Yến V sinh ngày 24/4/2008 và Tô Quang Đ, sinh ngày 21/10/2015. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng ba cháu Nhi, V, Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Tô Thế T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.*

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Về thủ tục tố tụng: Không có ý kiến gì. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị G được ly hôn với anh T; về con chung: Giao ba cháu Tô Yến N, Tô Yến V, Tô Quang Đ cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Đương sự nộp theo luật định.

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị G yêu cầu được ly hôn với anh Tô Thế T có nơi ở hiện nay tại thôn 7, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị G và anh T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn anh T đã được Tòa án tổng Đ văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị G yêu cầu ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị G và anh T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, xảy ra xô xát lẫn nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, sự Việc này cũng đã được ban quản lý thôn ấp nơi ở hiện nay của anh T chị G xác nhận. Như vậy, chị G và anh T đã có sự V phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống hòa thuận với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không Đ được mục đích, nay chị G yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị G và anh T có 03 người con chung, họ tên là Tô Yến N, sinh ngày 01/10/2006; Tô Yến V sinh ngày 24/4/2008 và Tô Quang Đ, sinh ngày 21/10/2015. Chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng ba cháu Nhi, V, Đ. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn “*nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét thấy, tại biên bản lời khai ba cháu: Nhi, V, Đ đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị G; mặt khác hiện nay để đảm bảo sự ổn định cho các cháu, vì vậy cần giao ba cháu: Tô Yến N, sinh ngày 01/10/2006; Tô Yến V sinh ngày 24/4/2008 và Tô Quang Đ, sinh ngày 21/10/2015 cho chị Trần Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; **Điều 81,82,83,84** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị G. Chị Trần Thị G được ly hôn với anh Tô Thế T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90, ngày 22/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về Việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao các cháu Tô Yến N, sinh ngày 01/10/2006; Tô Yến V sinh ngày 24/4/2008 và Tô Quang Đ, sinh ngày 21/10/2015 cho chị Trần Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng Việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4.Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001229, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng Đ hợp lệ.

**Nơi Nhận:**

- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Thu Hà**